

Số: 1262/TB-ĐHKQTQD

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học khóa 57, năm 2024

Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024 (cập nhật) ban hành kèm theo Quyết định số 415/QĐ-ĐHKQTQD ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân;

Trường Đại học Kinh tế quốc dân thông báo Tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học khóa 57 năm 2024 như sau:

#### 1. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 là 1775.

Chỉ tiêu tuyển sinh được phân bổ theo từng Lĩnh vực.

**2. Chương trình đào tạo theo tín chỉ** của hệ chính quy hiện hành. Sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra Tin học (có 01 trong 03 chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) và Ngoại ngữ (có 01 trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS đạt 5.5 điểm; TOEFL IBT đạt 46 điểm; TOEFL ITP đạt 500 điểm; TOEIC đạt 600 điểm) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTQD ngày 21/4/2021 của Trường Đại học Kinh tế quốc dân, có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và An ninh, hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và các quy định khác của trường được tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân.

#### 3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp THPT và Trung cấp trở lên;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

#### 4. Phương thức và ngưỡng đảm bảo chất lượng tuyển sinh

a) Phương thức tuyển sinh: xét tuyển

- Điểm xét tuyển gồm có:

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT: Trường xét tuyển theo kết quả tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT sử dụng 04 tổ hợp xét tuyển (A00; A01; D01; D07),

**Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm theo kết quả tổ hợp môn thi tốt nghiệp THPT, sử dụng 04 tổ hợp (A00, A01, D01, D07) cộng (+) điểm ưu tiên (nếu có).**

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp:

**Điểm xét tuyển (ĐXT) = điểm trung bình chung học tập toàn khóa nhân (x) 3 cộng (+) điểm ưu tiên (nếu có).**

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng:

GIAC

**Điểm xét tuyển (ĐXT) = điểm trung bình chung học tập toàn khóa nhân (x) 3 cộng (+) 0,5 điểm cộng (+) điểm ưu tiên (nếu có).**

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học:

**Điểm xét tuyển (ĐXT) = điểm trung bình chung học tập toàn khóa nhân (x) 3 cộng (+) 1,0 điểm cộng (+) điểm ưu tiên (nếu có).**

*Điểm ưu tiên gồm có:*

+ Điểm ưu tiên đối tượng chính sách và điểm ưu tiên khu vực theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

+ Điểm ưu tiên với thí sinh có thâm niên công tác

+ Điểm ưu tiên với thí sinh có chứng chỉ Tiếng anh quốc tế đạt chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định.

- Nguyên tắc xác định điểm trúng tuyển

Trường căn cứ vào điểm xét tuyển lấy lần lượt từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu, quy mô lớp cần tuyển theo từng ngành và địa điểm đào tạo và phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng tuyển sinh trở lên.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng tuyển sinh: đáp ứng ngưỡng đầu vào là 20 (hai mươi) điểm gồm cả điểm ưu tiên (nếu có).

**Điểm chuẩn tuyển sinh từng ngành đại học hình thức vừa làm vừa học không thấp hơn quá 03 (ba) điểm so với điểm chuẩn trúng tuyển ngành thấp nhất của đợt tuyển sinh liền kề trước đó của hệ chính quy.**

**5. Hồ sơ, thu nhận hồ sơ, các đợt xét tuyển và tổ chức khai giảng**

a) Hồ sơ dự tuyển gồm có các loại giấy tờ sau:

1) Phiếu tuyển sinh (theo mẫu đăng tải trên cổng thông tin điện tử);

2) Phiếu đăng ký dự tuyển đại học hình thức vừa làm vừa học;

3) 02 ảnh chân dung cỡ 3x4 cm;

4) Bằng tốt nghiệp THPT/TC/Cao đẳng/Đại học (Bản chính, bản sao công chứng);

5) Giấy chứng nhận kết quả thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT/Văn bản ghi kết quả học tập tương ứng với bằng tốt nghiệp (Bản chính, bản sao công chứng);

*(Các bản chính sau khi kiểm tra đối chiếu xong Trường trả lại cho thí sinh)*

6) Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân (Bản phô tô);

7) Giấy khai sinh (Bản phô tô);

8) Các giấy tờ đề hưởng chế độ ưu tiên (nếu có).

Hồ sơ dự tuyển cần đầy đủ và thí sinh phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ. Trường không hoàn trả hồ sơ và lệ phí xét tuyển sau khi thí sinh đã nộp.

b) Tổ chức thu nhận hồ sơ

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tuyến/online theo quy định và hướng dẫn của trường theo đường link: <https://tuyensinhvlv.hneu.edu.vn/> và Nhà trường sẽ gửi email xác nhận thông tin cho thí sinh theo email đã đăng ký.

- Thí sinh nộp hồ sơ bản giấy mang theo các bản gốc để đối chiếu. Địa điểm nộp hồ sơ: Khoa Đại học Tại chức, P404 nhà A1, Trường Đại học Kinh tế quốc dân – 207 Giải Phóng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

c) Các đợt xét tuyển

- Dự kiến đợt tháng 9 (thí sinh nộp hồ sơ từ 01/06 đến 30/8/2024).

- Dự kiến đợt tháng 11 (thí sinh nộp hồ sơ từ 01/9 đến 30/10/2024).

- Tùy theo tình hình thực tế sẽ có các đợt tuyển sinh bổ sung (có thông báo cụ thể).

d) Tổ chức khai giảng: sau khi thí sinh đạt điểm xét tuyển hoàn thành thủ tục nhập học và đã được Hiệu trưởng công nhận trúng tuyển.

## 6. Phương thức tổ chức lớp học

Ngành được tổ chức đào tạo khi có từ 25 thí sinh được công nhận trúng tuyển trở lên. Chương trình đào tạo theo tín chỉ; Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Thí sinh tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học được xét miễn học phần theo quy định của Trường.

## 7. Lệ phí xét tuyển, học phí đào tạo

a) Lệ phí xét tuyển: 500.000đ/1 lần xét tuyển. Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển ngay khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

b) Học phí theo ngành/ chương trình và được thông báo từng học kỳ, năm học; năm 2024 dự kiến khoảng từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng/năm học.

Lộ trình tăng học phí từng năm thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

## 8. Các nội dung khác

Thông báo tuyển sinh, mẫu hồ sơ được đăng trên website [:http://neu.edu.vn/](http://neu.edu.vn/); <http://khoataichuc.neu.edu.vn>

Các thông tin khác xin liên hệ với Khoa Đại học Tại chức (Phòng 404 – Nhà A1); với các cán bộ tư vấn tuyển sinh số điện thoại: 0886193399 và trên facebook: <https://www.facebook.com/KhoaDHTC.NEU/>.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐHTC.



GS.TS Phạm Hồng Chương

## PHỤ LỤC I

### Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

#### 1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục II)

a. Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b. Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học tập THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c. Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh cơ nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc Trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d. Từ năm 2024, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

#### 2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách

a. Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b. Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c. Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không

nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Từ năm 2024, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

**Điểm ưu tiên = [30- Tổng điểm đạt được]/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này**

**5. Ưu tiên theo thâm niên công tác**

*Thí sinh được hưởng ưu tiên theo thâm niên công tác. Cụ thể:*

- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 không được cộng điểm ưu tiên theo thâm niên công tác;
- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 được cộng (+) 01 (một) điểm ưu tiên thâm niên công tác;
- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 được cộng (+) 02 (hai) điểm ưu tiên thâm niên công tác;
- Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2021 trở về trước được cộng (+) 03 (ba) điểm ưu tiên thâm niên công tác.

**6. Ưu tiên đối với thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định**

- Thí sinh có CCTAQT đạt IELTS 5.5 hoặc TOEFL iBT 46 (không gồm TOEFL IBT home edition) hoặc TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160 & W 150) trở lên được cộng (+) 01 (một) điểm ưu tiên.

## PHỤ LỤC II

### Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngan ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

## PHỤ LỤC III

### Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm UT1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen
03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh;</li> <li>- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;</li> <li>- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên</li> <li>- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.</li> </ul>
04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân nhân liệt sĩ;</li> <li>- Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;</li> <li>- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;</li> <li>- Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;</li> </ul>

	- Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
Nhóm UT 2	
05	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;</li> <li>- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác;</li> <li>- Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.</li> </ul>
06	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;</li> <li>- Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;</li> <li>- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.</li> </ul>
07	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;</li> <li>- Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;</li> <li>- Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên;</li> <li>- Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.</li> </ul>